

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10A11 NĂM HỌC 2026-2027

HỆ: GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

Tổ hợp 4: Địa lý, GDKTPL, Vật lý, Công nghệ (trồng trọt)

Chuyên đề học tập: Toán, Ngữ văn, Địa lý

Stt	Lớp	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Giới tính	Tổng điểm	Ghi chú
1	10A11	Huỳnh Tuyết Ngân	18/06/2011	Nữ		Tuyển thẳng
2	10A11	Trần An Khang	23/03/2011	Nam		Tuyển thẳng
3	10A11	Kiều Thị Hồng Phương	05/11/2011	Nữ	25.00	
4	10A11	Hồ Phúc Đạt	11/01/2011	Nam	24.50	
5	10A11	Trần Minh Trí	13/02/2011	Nam	24.25	
6	10A11	Trần Ngọc Thảo Vy	05/12/2011	Nữ	23.00	
7	10A11	Nguyễn Trường Minh Anh	14/06/2011	Nữ	22.50	
8	10A11	Bùi Thị Ngọc Duyên	03/06/2011	Nữ	22.25	
9	10A11	Nguyễn Gia Phát	14/07/2011	Nam	21.50	
10	10A11	Trương Quốc Thắng	30/06/2011	Nam	21.25	
11	10A11	Nguyễn Ngọc Minh Hằng	10/04/2011	Nữ	20.75	
12	10A11	Huỳnh Ngọc Yến Xuân	01/11/2011	Nữ	20.75	
13	10A11	Võ Quốc Lâm	17/09/2011	Nam	20.50	
14	10A11	Võ Thị Bích Ly	21/07/2011	Nữ	20.25	
15	10A11	Nguyễn Huỳnh Minh Tú	13/08/2011	Nam	20.00	
16	10A11	Nguyễn Ngọc Kim Loan	19/10/2011	Nữ	19.75	
17	10A11	La Kim Linh	29/07/2011	Nữ	19.50	
18	10A11	Cù Ngọc Bảo Thy	17/10/2011	Nữ	19.50	
19	10A11	Lê Gia Bảo	29/07/2011	Nam	19.25	
20	10A11	Huỳnh Gia Hân	17/07/2011	Nữ	19.00	
21	10A11	Nguyễn Ngọc Gia Ân	10/09/2011	Nữ	18.75	
22	10A11	Nguyễn Hoàng Phát Huy	14/04/2011	Nam	18.50	
23	10A11	Nguyễn Minh Duy	24/06/2011	Nam	18.25	
24	10A11	Phan Minh Tấn	12/11/2011	Nam	18.00	
25	10A11	Doãn Phương Vy	16/02/2011	Nữ	17.50	
26	10A11	Võ Ngọc Thảo Hiền	19/09/2011	Nữ	17.25	
27	10A11	Nguyễn Hào Kiệt	25/12/2011	Nam	17.00	
28	10A11	Nguyễn Ngọc Quế Trân	30/10/2011	Nữ	16.75	
29	10A11	Lê Quốc Nam	04/02/2011	Nam	16.75	
30	10A11	Trần Ngọc Bảo Uyên	28/01/2011	Nữ	16.50	
31	10A11	Phan Tấn Khang	14/02/2011	Nam	16.00	
32	10A11	Nguyễn Ngọc Gia Ý	10/09/2011	Nữ	16.00	
33	10A11	Võ Ánh Ngọc	16/07/2011	Nữ	15.75	
34	10A11	Phạm Thanh Nhân	03/12/2011	Nam	15.50	
35	10A11	Nguyễn Ngọc Kim Tuyền	19/09/2011	Nữ	15.25	
36	10A11	Nguyễn Chí Hùng	14/03/2011	Nam	15.00	
37	10A11	Nguyễn Hoài Phú Quốc	03/10/2011	Nam	14.50	
38	10A11	Võ Lê Kim Tuyền	16/03/2011	Nữ	14.50	
39	10A11	Lại Gia Bảo	02/07/2011	Nam	13.75	
40	10A11	Phạm Công Tâm	26/02/2011	Nam	13.25	
41	10A11	Trần Phú Trọng	03/06/2011	Nam	12.50	
42	10A11	Huỳnh Thanh Ngân	19/12/2011	Nữ	12.00	
43	10A11	Nguyễn Hồ Gia Khánh	28/06/2011	Nam	11.75	
44	10A11	Nguyễn Thị Yến Hương	22/09/2011	Nữ	11.50	
45	10A11	Nguyễn Tiến Phát	24/08/2011	Nam	11.00	

Danh sách có 45 học sinh

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10A12 NĂM HỌC 2026-2027

HỆ: GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

Tổ hợp 4: Địa lý, GDKTPL, Vật lý, Công nghệ (trồng trọt)

Chuyên đề học tập: Toán, Ngữ văn, Địa lý

Stt	Lớp	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Giới tính	Tổng điểm	Ghi chú
1	10A12	Bùi Ngọc Trâm	04/01/2011	Nữ	26.00	
2	10A12	Trương Võ Hồng Nhung	11/02/2011	Nữ	26.00	
3	10A12	Nguyễn Ngọc Phương Thùy	17/11/2011	Nữ	24.50	
4	10A12	Trương Tấn Lộc	17/03/2011	Nam	24.50	
5	10A12	Trương Võ Hồng Gấm	11/02/2011	Nữ	23.75	
6	10A12	Nguyễn Văn Phú Quý	03/01/2011	Nam	23.00	
7	10A12	Trần Hoàng Minh	29/09/2011	Nam	22.25	
8	10A12	Phan Nguyễn Tường Vy	17/12/2011	Nữ	22.25	
9	10A12	Lê Đặng Thảo Nguyên	24/05/2011	Nữ	21.50	
10	10A12	Nguyễn Chế Phong	26/04/2011	Nam	21.00	
11	10A12	Phạm Hồng Đào	20/01/2011	Nữ	20.75	
12	10A12	Phan Ngọc Huỳnh Trân	20/09/2011	Nữ	20.50	
13	10A12	Nguyễn Thị Thúy Nhi	23/03/2011	Nữ	20.25	
14	10A12	Phạm Ngọc Tuyền	12/03/2011	Nữ	20.00	
15	10A12	Nguyễn Thị Yến Ngọc	26/04/2011	Nữ	19.75	
16	10A12	Phạm Ngọc Vàng	12/03/2011	Nữ	19.50	
17	10A12	Đinh Phước Quý	22/03/2011	Nam	19.25	
18	10A12	Nguyễn Thị Linh Nhi	01/04/2011	Nữ	19.25	
19	10A12	Trần Thị Trà My	07/11/2011	Nữ	19.00	
20	10A12	Hồ Vy Uyển Như	30/07/2011	Nữ	18.67	
21	10A12	Nguyễn Thị Yến Trang	01/02/2011	Nữ	18.50	
22	10A12	Phạm Trọng Khang	21/07/2011	Nam	18.25	
23	10A12	Nguyễn Hoàng Duy	14/05/2011	Nam	17.67	
24	10A12	Võ Ngọc Trân	04/11/2011	Nữ	17.50	
25	10A12	Võ Hồ Quỳnh Như	15/02/2011	Nữ	17.00	
26	10A12	Trương Minh Hiếu	31/12/2011	Nam	17.00	
27	10A12	Lê Trí Thiện	20/06/2011	Nam	16.75	
28	10A12	Nguyễn Tấn An	27/12/2011	Nam	16.50	
29	10A12	Nguyễn Ngọc Cẩm Nhung	15/07/2011	Nữ	16.33	
30	10A12	Nguyễn Thị Khánh Ngọc	06/03/2011	Nữ	15.75	
31	10A12	Nguyễn Ngọc Phương Trúc	02/05/2011	Nữ	15.25	
32	10A12	Phạm Gia Bảo	16/12/2011	Nam	15.00	
33	10A12	Nguyễn Ngọc Anh Thy	16/11/2011	Nữ	14.75	
34	10A12	Nguyễn Duy Khương	20/11/2011	Nam	14.50	
35	10A12	Phan Thị Tường Vy	30/08/2011	Nữ	14.00	
36	10A12	Nguyễn Mạnh Khương	27/10/2011	Nam	13.75	
37	10A12	Võ Nhựt Trường	24/09/2011	Nam	12.75	
38	10A12	Nguyễn Ngọc Hoài Thương	29/08/2011	Nữ	12.25	
39	10A12	Lê Văn Giàu	29/06/2011	Nam	11.83	
40	10A12	Võ Lê Xuân Nghi	09/06/2011	Nữ	11.50	
41	10A12	Võ Hồng Phương Vy	01/07/2011	Nữ	11.50	
42	10A12	Phan Đình Thái	22/10/2010	Nam	11.00	

Danh sách có 42 học sinh

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10A13 NĂM HỌC 2026-2027

HỆ: GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

Tổ hợp 4: Địa lý, GDKTPL, Vật lý, Công nghệ (trồng trọt)

Chuyên đề học tập: Toán, Ngữ văn, Địa lý

Stt	Lớp	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Giới tính	Tổng điểm	Ghi chú
1	10A13	Phạm Quỳnh Anh	20/06/2011	Nữ	26.75	
2	10A13	Lê Hoàng Bảo Khang	02/10/2011	Nam	26.00	
3	10A13	Nguyễn Thành Tài	13/03/2011	Nam	24.50	
4	10A13	Nguyễn Thị Thùy Dương	02/07/2011	Nữ	24.25	
5	10A13	Nguyễn Trần Gia Tường	11/04/2011	Nam	23.25	
6	10A13	Võ Nguyễn Trọng Hiếu	20/03/2011	Nam	22.75	
7	10A13	Lê Quốc Bảo	29/07/2011	Nam	22.25	
8	10A13	Trần Hoàng Mỹ Quỳnh	25/11/2011	Nữ	21.50	
9	10A13	Nguyễn Thành Vinh	18/04/2011	Nam	21.50	
10	10A13	Phạm Minh Phú	12/07/2011	Nam	20.50	
11	10A13	Đinh Ngọc Ái Nhi	17/03/2011	Nữ	20.50	
12	10A13	Nguyễn Hoàng Phúc	06/09/2011	Nam	20.25	
13	10A13	Trần Thị Bích Trâm	12/07/2011	Nữ	19.75	
14	10A13	Hà Võ Song Hương	30/11/2011	Nữ	19.75	
15	10A13	Nguyễn Trần Huy Hoàng	27/04/2011	Nam	19.50	
16	10A13	Trần Công Vinh	08/09/2011	Nam	19.25	
17	10A13	Lê Minh Hiền	31/10/2011	Nam	19.00	
18	10A13	Trần Thị Cẩm Tú	07/07/2011	Nữ	18.75	
19	10A13	Trương Vĩnh Trọng	10/02/2011	Nam	18.50	
20	10A13	Huỳnh Duy Phúc	25/09/2011	Nam	18.50	
21	10A13	Nguyễn Ngọc Thùy Dương	04/02/2011	Nữ	18.25	
22	10A13	Nguyễn Hoài Anh	26/04/2011	Nam	17.50	
23	10A13	Trần Thiên Phú	22/07/2011	Nam	17.25	
24	10A13	Nguyễn Thị Diễm Hằng	08/01/2011	Nữ	17.00	
25	10A13	Nguyễn Tuấn Vũ	08/02/2010	Nam	17.00	
26	10A13	Nguyễn Thành Tài	10/08/2011	Nam	16.75	
27	10A13	Võ Quốc Thịnh	09/05/2011	Nam	16.50	
28	10A13	Nguyễn Ngọc Thanh Trà	30/06/2011	Nữ	16.25	
29	10A13	Huỳnh Thanh Trúc	20/05/2011	Nữ	16.00	
30	10A13	Huỳnh Trường Thịnh	22/06/2011	Nam	15.75	
31	10A13	Nguyễn Quốc Kỳ	12/01/2011	Nam	15.25	
32	10A13	Nguyễn Thị Hồng Châu	02/10/2011	Nữ	15.00	
33	10A13	Lê Phước Thịnh	20/08/2011	Nam	14.75	
34	10A13	Huỳnh Thị Yên Nhi	14/08/2011	Nữ	14.50	
35	10A13	Nguyễn Ngọc Song Nhi	05/06/2011	Nữ	14.00	
36	10A13	Ngô Ái Phương	02/12/2011	Nữ	13.50	
37	10A13	Huỳnh Tuấn Phát	04/04/2011	Nam	12.50	
38	10A13	Lê Thiện Phúc	08/06/2011	Nam	12.25	
39	10A13	Lê Ngọc Bảo Thy	05/11/2011	Nữ	11.75	
40	10A13	Phan Tuấn Kiệt	10/12/2011	Nam	11.50	
41	10A13	Mai Hồng Thắng	01/12/2011	Nam	11.25	
42	10A13	Ngô Hoàng Phúc	03/09/2011	Nam	11.00	

Danh sách có 42 học sinh